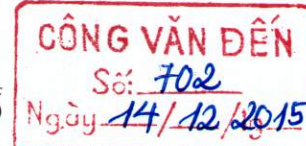


THÔNG BÁO
TUYỂN SINH CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2016



Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên thông báo tuyển sinh cao học đợt 1 năm 2016 như sau:

1. **Các chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:** Xem tại Phụ lục 1.
2. **Hình thức và thời gian đào tạo:** Đào tạo chính quy theo học chế tín chỉ, thời gian đào tạo 02 năm.
3. **Các môn thi tuyển sinh:** Xem tại Phụ lục 2.
4. **Điều kiện dự thi**
 - 4.1. **Về văn bằng:** Thuộc một trong các đối tượng sau:
 - a. Đã tốt nghiệp đại học hệ chính quy đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi;
 - b. Đã tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học (tại chức cũ) đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi;
 - c. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi;
 - d. Các trường hợp khác sẽ do Hội đồng KH & ĐT của Khoa quyết định.
 - Tên ngành đúng, phù hợp và gần với chuyên ngành dự thi xem tại Phụ lục 3.*
 - 4.2. **Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:** Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh thì phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

4.3. Học bổ sung kiến thức

Đối với đối tượng quy định ở điểm a mục 4.1 được miễn học bổ sung kiến thức. Các đối tượng khác phải học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương với hệ chính quy đúng chuyên ngành đăng ký dự thi. Thí sinh phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi, căn cứ vào bảng điểm đại học, thí sinh có thể được miễn những nội dung đã học.

Danh mục học phần học bổ sung kiến thức xem tại Phụ lục 4.

5. Hồ sơ dự thi (theo mẫu) bao gồm: Đơn xin dự thi; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương; Công văn cử thí sinh dự thi của cơ quan chủ quản (CB/CNV nhà nước); Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm (nếu thí sinh học liên thông từ cao đẳng, TCCN thì phải có bằng và bảng điểm cao đẳng, TCCN; nếu đăng ký dự thi theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bảng điểm văn bằng 1); Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (của bệnh viện đa khoa); 04 ảnh 3 x 4 cm.

Thí sinh mua và nộp hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày **07/12/2015** đến hết ngày **27/4/2016** tại **Phòng Đào tạo ĐH&SDH (Khoái Châu, Hưng Yên), Cơ sở 2 (Phố Nối, Mỹ Hào, Hưng Yên), Cơ sở 3 (189 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương).**

6. Kế hoạch học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi tuyển sinh

6.1. Bổ sung kiến thức:

Đăng ký học: Thí sinh nộp đơn (theo mẫu trên website: www.utehy.edu.vn) và bản photocopy bằng tốt nghiệp, bảng điểm trình độ đại học (và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp nếu học liên thông) đến hết ngày **04/3/2016** tại Phòng Đào tạo ĐH&SĐH, nộp tiền tại phòng Kế hoạch – Tài vụ. Lịch học: Dự kiến học từ ngày **11/3/2016**.

6.2. Ôn tập thi tuyển sinh:

Đăng ký ôn tập đến hết ngày **11/3/2016** tại Phòng Đào tạo ĐH&SĐH, nộp tiền tại phòng Kế hoạch – Tài vụ. Lịch học: Dự kiến ôn tập từ ngày **09/4/2016**. Khối lượng kiến thức ôn tập: 180 tiết (mỗi môn 60 tiết).

6.3. Ngày thi tuyển: Dự kiến ngày **28/5/2016** và **29/5/2016** tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Nộp lệ phí thi từ ngày **02/5/2016** đến **20/5/2016** tại phòng Kế hoạch – Tài vụ.

Hồ sơ và các khoản kinh phí tại mục 6.1; 6.2; 6.3 thí sinh có thể nộp tại một trong 3 cơ sở của Nhà trường.

7. Địa điểm học: Thí sinh trúng tuyển có thể đăng ký học tại 1 trong 3 cơ sở của Trường (nếu đủ số lượng để tổ chức lớp học): **Cơ sở 1:** Xã Dân Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên; **Cơ sở 2:** Phố Nối, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên; **Cơ sở 3:** 189 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Đào tạo ĐH&SĐH trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Điện thoại: 0321 3713081. Email: lethihuecntt@gmail.com; website: www.utehy.edu.vn


HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Trung

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số: 637/TB-ĐHSPKT ngày 04/12/2015)

PHỤ LỤC 1: CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

TT	Mã số	Chuyên ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu
1	60520301	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học Kỹ thuật hóa học môi trường	20
2	60520103	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	60
3	60520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí động lực	50
4	60520202	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện (chuyên sâu Hệ thống điện)	40
5	60520203	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử Kỹ thuật điện tử truyền thông	30
6	60520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật đo và điều khiển tự động	30
7	60480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	80
8	60340102	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh thời trang	90

PHỤ LỤC 2: CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

TT	Chuyên ngành đào tạo	Các môn thi tuyển sinh		
1	Kỹ thuật hóa học	Hóa lý	Toán cao cấp	Tiếng Anh
2	Kỹ thuật cơ khí	Sức bền vật liệu		
3	Kỹ thuật cơ khí động lực	Lý thuyết động cơ và ô tô		
4	Kỹ thuật điện	Lý thuyết mạch		
5	Kỹ thuật điện tử			
6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			
7	Công nghệ thông tin	Cơ sở dữ liệu		
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Toán kinh tế	

PHỤ LỤC 3: TÊN NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP VÀ GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH DỰ THI

1. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật hóa học:

1.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Công nghệ hóa học, Kỹ thuật Hóa học.

1.2. Ngành gần bao gồm: Công nghệ môi trường, Kỹ thuật Môi trường, Sư phạm hóa học, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu.

2. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí:

2.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Cơ kỹ thuật.

2.2. Ngành gần bao gồm: Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Công thôn, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp và các ngành khác thuộc khối cơ khí.

3. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí động lực:

3.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Công nghệ kỹ thuật ô tô, Cơ khí ô tô, Cơ khí động lực, Động cơ đốt trong, Cơ điện tử ô tô, Xe-máy chuyên dùng, Máy xây dựng, Máy nông nghiệp, Máy và thiết bị cơ giới hóa nông nghiệp, Máy lâm nghiệp, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật hàng không.

3.2. Ngành gần bao gồm: Chế tạo máy, Công nghệ Cơ điện, Cơ điện tử, Nhiệt lạnh và điều hòa không khí, Cơ khí thủy lợi, Thiết bị thủy điện, Thiết bị năng lượng và các ngành khác thuộc khối cơ khí.

4. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật điện:

4.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Kỹ thuật điện - điện tử, Hệ thống điện, Thiết bị điện - điện tử.

4.2. Ngành gần bao gồm: Tự động hóa, Điều khiển tự động, Kỹ thuật nhiệt, Điện tử tự động, Cơ điện tử, Kỹ thuật đo và tin học công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Vật lý, Kinh tế công nghiệp, Quản lý năng lượng, Điện tử - tin học

5. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật điện tử:

5.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Điện tử công nghiệp, Điện tử - Viễn thông, Điện tử - Tin học, Kỹ thuật điện tử.

5.2. Ngành gần bao gồm: Kỹ thuật điện, Tự động hóa, Kỹ thuật điều khiển, Điều khiển tự động, Đo lường và điều khiển tự động, Đo lường và tin học công nghiệp, Điện tử sinh học, Điện tử tự động, Hệ thống điện, Cơ điện tử, Cơ điện tử ô tô, Cơ điện bảo trì, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy tính, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Vật lý (vật lý điện tử, vật lý bán dẫn, vật lý chất rắn).

6. Đối với chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa:

6.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Tự động hóa, Kỹ thuật điều khiển, Điều khiển tự động, Đo lường và điều khiển tự động.

6.2. Ngành gần bao gồm: Kỹ thuật điện tử, Điện tử công nghiệp, Điện tử - Viễn thông, Điện tử - Tin học, Điện tử tự động, Điện tử sinh học; Đo lường và tin học công nghiệp; Hệ thống điện, Cơ điện tử, Cơ điện tử ô tô, Cơ điện bảo trì, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp.

7. Đối với chuyên ngành Công nghệ thông tin:

7.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin, Toán tin, Toán tin ứng dụng, Kỹ thuật máy tính, công nghệ kỹ thuật máy tính, Mạng máy tính và truyền thông, Công nghệ phần mềm, Tin học, Tin học quản lý.

7.2. Ngành gần bao gồm: Công nghệ Cơ Điện tử, Điện tử viễn thông, Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Điều khiển Tự động, Tự động hóa, Điều khiển, Đo lường, Sư phạm Kỹ thuật, Tin học công nghiệp, Kỹ thuật điện, Toán, Sư phạm Toán, Vật lý, Sư phạm Vật lý, Toán Ứng dụng.

8. Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh – CTĐT Quản trị kinh doanh:

8.1. Ngành đúng và phù hợp bao gồm: Quản trị kinh doanh, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.

8.2. Ngành gần bao gồm: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, ngành Kinh tế và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.

9. Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh – CTĐT Quản trị kinh doanh thời trang:

Ngành gần bao gồm: Công nghệ may chuyên sâu về Kinh tế và quản trị kinh doanh thời trang.

Ngành khác: Công nghệ May, Thiết kế thời trang, Công nghệ Dệt, Ngoại ngữ kinh tế hoặc thương mại, các nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ, Toán và thống kê, Quản lý văn hóa, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, ngành Kinh tế và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Chuyên ngành Kỹ thuật hóa học (Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học môi trường):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Hóa vô cơ	3
2	Hóa hữu cơ	3
3	Hóa phân tích	3
4	Hóa lý	3
5	Quá trình thiết bị trong công nghệ hóa học 1	3
6	Quá trình thiết bị trong công nghệ hóa học 2	3
7	Quá trình thiết bị trong công nghệ hóa học 3	3
8	Phân tích công cụ	3

HĐKH của Khoa sẽ quyết định các học phần bổ sung của từng đối tượng dựa theo hồ sơ dự thi của thí sinh. Số lượng các học phần học tối đa là 12 tín chỉ.

2. Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí: 12 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Toán hình vi phân	3
2	Sức bền vật liệu	3
3	Công nghệ kim loại	3
4	Công nghệ chế tạo máy	3

3. Chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí động lực: 12 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý thuyết động cơ ô tô	2
2	Cấu tạo động cơ ô tô	2
3	Cấu tạo ô tô	2
4	Lý thuyết ô tô	2
5	Thiết kế và tính toán ô tô	2
6	Hệ thống điện ô tô	2

4. Chuyên ngành Kỹ thuật điện: 12 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật điện tử số	3
2	Mạng và hệ thống điện	3
3	Bảo vệ và tự động hóa hệ thống điện	3
4	Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp	3

5. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử: 12 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật xung – số	3
2	Kỹ thuật vi xử lý	3
3	Kỹ thuật tương tự	3
4	Xử lý tín hiệu và lọc số	3

6. Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa: 12 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật xung – số	3
2	Kỹ thuật vi xử lý	3
3	Điện tử công suất	3
4	Lý thuyết điều khiển tự động	3

7. Chuyên ngành Công nghệ thông tin:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Cơ sở dữ liệu	3
2	Kỹ thuật lập trình	2
3	Mạng máy tính	3
4	Kiến trúc máy tính	3
5	Công nghệ phần mềm	2
6	Trí tuệ nhân tạo	3
7	Phân tích thiết kế hệ thống	3
8	An toàn các hệ thống thông tin	2
9	Toán rời rạc	3

HĐKH của Khoa sẽ quyết định các học phần bổ sung của từng đối tượng dựa theo hồ sơ dự thi của thí sinh. Số lượng các học phần học tối đa là 13 tín chỉ.

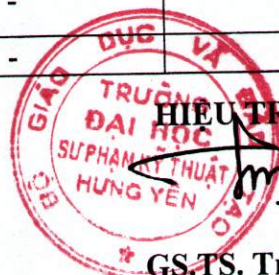
8. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:

a. Danh mục học phần học bổ sung kiến thức của nhóm ngành gần: 18 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản trị học	3
2	Quản trị doanh nghiệp	3
3	Nguyên lý marketing	3
4	Quản trị tài chính	3
5	Quản trị nhân lực	3
6	Quản trị chiến lược	3

b. Danh mục học phần học bổ sung kiến thức của nhóm ngành khác: 36 TC

STT	Tên học phần	Số tín chỉ (áp dụng đối với từng CTĐT)	
		Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh thời trang
1	Kinh tế vi mô	3	3
2	Kinh tế vĩ mô	3	3
3	Quản trị học	3	3
4	Quản trị doanh nghiệp	3	3
5	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	3
6	Quản trị chất lượng	3	3
7	Quản trị nhân lực	3	3
8	Marketing căn bản	3	3
9	Nguyên lý kế toán	3	-
10	Tài chính - tiền tệ	3	-
11	Quản trị tài chính	3	-
12	Quản trị chiến lược	3	-
1	Fashion Merchandising	-	3
2	Chi phí và giá thành	-	3
3	Công nghệ sản xuất sản phẩm thời trang	-	3
4	Quản lý xuất nhập khẩu dệt may	-	3



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Trung